TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày 16-5-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu P

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên N

Bà Phạm Thị B

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu T - Thư ký Toà án nhân dân quận Nn, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nn, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nn, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thiện K; nơi cư trú trú: Số 4/55 đường L, phường C, quận Nn, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Lương Q; nơi cư trú: Số 4/55 đường L, phường C, quận Nn, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thiện K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thiện K và bà Lê Thị Lương Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Nn, thành phố H ngày 31/10/1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không tin tưởng nhau về tình cảm. Ông K và bà Q sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021 không còn liên quan đến nhau về tình cảm, kinh tế, ông K đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thái Bình sinh sống. Đến nay ông K xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Q.

Về con chung: Ông Nguyễn Thiện K và bà Lê Thị Lương Q có ba con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 24/8/1992; Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 24/6/1999 và Nguyễn Nam K, sinh ngày 22/12/2007. Con chung là Nguyễn Quỳnh T và Nguyễn Thuỳ A đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết; con chung Nguyễn Nam K từ khi ông K và bà Q sống ly thân, cháu Khánh ở với mẹ và có đơn nguyện vọng được ở với mẹ nên ông K cũng đồng ý đề nghị Toà giao con Nguyễn Nam K cho bà Q nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thiện K đề nghị được tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông K đề nghị Toà án miễn án phí cho ông theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Lê Thị Lương Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản của Toà án nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu của ông K về quan hệ hôn nhận, về việc nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; 58, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thiện K được ly hôn bà Lê Thị Lương Q. Về con chung: Hai con Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 24/8/1992 và Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 24/6/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Giao con Nguyễn Nam K cho bà Lê Thị Lương Q trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Lê Thị Lương Q có nơi cư trú trên địa bàn quận Nn, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nn, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Lê Thị Lương Q, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật, bà Q không có quan điểm giải quyết vụ án, vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như ông K đã trình bày, hôn nhân giữa ông K và bà Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Ông K và bà Q sống ly thân mỗi người một nơi không còn liên quan đến nhau về tình cảm, kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Ông Nguyễn Thiện K và bà Lê Thị Lương Q có ba con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 24/8/1992; Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 24/6/1999 và Nguyễn Nam K, sinh ngày 22/12/2007. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung Nguyễn Quỳnh T và Nguyễn Thuỳ A đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết; con chung Nguyễn Nam K, từ khi ông K và bà Q sống ly thân được bà Q chăm sóc tốt, cháu Khánh có đơn nguyện vọng được ở với bà Q. Ông K đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Nam K cho bà Q trực tiếp nuôi là có căn cứ nên cần chấp nhận

- Về việc chia tài sản:

[5] Ông Nguyễn Thiện K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Nguyễn Thiện K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thiện K

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Thiện K được ly hôn bà Lê Thị Lương Q.

2. Về việc nuôi con:

Ông Nguyễn Thiện K và bà Lê Thị Lương Q có ba con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 24/8/1992; Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 24/6/1999 và Nguyễn Nam K, sinh ngày 22/12/2007. Con chung Nguyễn Quỳnh T và Nguyễn Thuỳ A đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao con Nguyễn Nam K cho bà Lê Thị Lương Q trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Thiện K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Ông Nguyễn Thiện K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thiện K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Nguyễn Thiện K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006716 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nn, thành phố H.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ông Nguyễn Thiện K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Lê Thị Lương Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Nn;
- Chi cục THADS quận Nn;
- UBND phường L, quận Nn, thành phố H (ĐKKH ngày 31/10/1991);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu P